

Bản án số: 227/2020/DS-ST

Ngày: 03 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXX-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 41 đường T, Phường A, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* 2.1. Ông Vũ Tấn Q, sinh năm 1988;

2.2. Bà Bùi Thị Thanh B, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ cư trú cuối cùng: Số 351/27 đường BD, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị Mộng Trâm, sinh năm 1971; Địa chỉ: TK 6/25Bis đường K, phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ngày 26/6/2019 ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B có vay của ông Nguyễn Tấn T số tiền 300.000.000 đồng. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, hai bên không T hòa thuận về lãi suất. Để đảm bảo cho việc vay số tiền nêu trên ông Q, bà B đã đồng ý cầm cố cho ông T chiếc xe Ô Tô biển kiểm soát 51F-484.65. Hai bên có lập Hợp đồng đồng vay tiền và cầm cố tài sản tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan, Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng: 07153, quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/6/2019 (nhưng không đăng ký giao dịch bảo đảm).

Theo thỏa thuận thì ông T đã giao cho ông Q, bà B đủ số tiền 300.000.000 đồng. Ông Q, bà B đã giao cho ông T quản lý, trông coi chiếc xe Ô Tô con biển kiểm soát 51F-484.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô Tô số 305019 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2017 cấp cho bà Bùi Thị Thanh B kèm theo bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô nêu trên. Hiện ông T quản lý, trông coi xe Ô tô mà không sử dụng, không khai thác, không T hực hiện các giao dịch khác.

Hết thời hạn vay tiền, ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B trả lại toàn bộ số tiền vay nêu trên nhưng không gặp được ông Q, bà B . Liên hệ điện thoại thì phía bị đơn cố tình không hợp tác. Ông T đã liên hệ Công an Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thì được biết ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B đã không còn cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ.

Do ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T hành. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Buộc ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B trả ngay một lần cho ông Nguyễn Tấn T số tiền nợ vốn là 300.000.0000 đồng (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự từ ngày 27/9/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Sau khi ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B thanh toán dứt số tiền nợ nêu trên thì ông T sẽ trả lại tài sản cầm cố nêu trên và bản chính giấy tờ kèm theo mà không yêu cầu phía bị đơn thanh toán các chi phí để bảo quản tài sản cầm cố.

Ông Nguyễn Tấn T cam kết số tiền mà ông T cho ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B vay là tài sản của riêng ông T hành, không liên quan đến người khác.

Theo bản tự khai đề ngày 24/4/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Mộng Trtrình bày: Bà là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Tấn T, việc ông T ký hợp đồng cho ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B vay số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền và cầm cố tài sản ngày 26/6/2019 thì bà Trầm không biết, không liên quan. Số tiền mà ông T cho ông Q, bà B vay là

tiền riêng của ông T không liên quan đến bà Trâm nên bà Trâm không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án nêu trên.

Bị đơn ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không T hu thập được lời khai, không T iến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn không T hực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B đã được Tòa án đã tổng đạt họp lệ và đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông T in đại chúng về thời gian tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần; tham gia phiên tòa xét xử 02 lần nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án không T iến hành hòa giải được.

Đồng thời, nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Mộng Trcó đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, do bị đơn là ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật dân sự: Căn cứ Hợp đồng đồng vay tiền và cầm cố tài sản số công chứng: 07153, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/6/2019 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan, Thành phố Hồ Chí Minh được xác lập trước ngày 01/01/2017 nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về các yêu cầu của đương sự:

Ông Nguyễn Tấn T yêu cầu Tòa án: Buộc ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B trả ngay một lần cho ông Nguyễn Tấn T số tiền nợ vốn là 300.000.0000 đồng (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự từ ngày 27/9/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Sau khi ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B thanh toán dứt số tiền nợ nêu trên thì ông T sẽ trả lại tài sản cầm cố nêu trên và bản chính giấy tờ kèm theo mà không yêu cầu phía bị đơn thanh toán các chi phí để bảo quản tài sản cầm cố.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng đồng vay tiền và cầm cố tài sản số công chứng: 07153, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/6/2019 do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không T rái đạo đức xã hội tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T trình bày đã giao cho bị đơn số tiền 300.000.000 đồng. Phía ông Q, bà B đã giao tài sản cầm cố, kèm theo bản chính giấy tờ xe Ô Tô con, nhãn hiệu HUYNDAI; màu trắng; loại ELANTRA; số máy G4FGHU682938, số khung RLUDC41CBHN006270; Biển số 51F-484.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô Tô số 305019 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2017 cho ông T theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay là ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B đã không T hực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng, không T hực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ vốn như thỏa thuận. Do đó, Nguyên đơn yêu cầu ông Q, bà B phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ vốn gốc là 300.000.0000 đồng (ba trăm triệu đồng) là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 463, Điều 465 và Điều 467 của Bộ luật dân sự.

Đồng thời, tại Hợp đồng đồng vay tiền và cầm cố tài sản số công chứng: 07153, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/6/2019 hai bên không T hỏa thuận lãi suất vay nhưng theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không T rả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác” do đó yêu cầu thanh toán tiền lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi suất mà ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B phải thanh toán cho ông Nguyễn Tấn T từ ngày 27/9/2019 đến ngày xét xử (ngày 03/8/2020) với lãi suất 10%/năm như sau:

$$300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times (10 \text{ tháng} + 07 \text{ ngày}) = 25.583.333 \text{ đồng.}$$

$$\text{Tổng vốn và lãi: } 300.000.000 \text{ đồng} + 25.583.333 \text{ đồng} = 325.583.333 \text{ đồng.}$$

Ông Nguyễn Tấn T cam kết số tiền mà ông T cho ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B vay là tài sản của riêng ông T hành, không liên quan đến người khác, lời trình bày này cũng phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị Mộng Trnên có cơ sở

chấp nhận. Theo văn bản số 136/UBND ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (kèm theo bản Trích lục kết hôn số 138/TLKH-BS ngày 07/5/2020) thì ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B là vợ chồng hợp pháp. Do đó, buộc ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tấn T tổng số tiền vốn và lãi tính từ ngày 27/9/2019 đến ngày 03/8/2020 là 325.583.333 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng), thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ông Quốc và bà Bạch thanh toán hết số tiền nợ vốn và lãi nêu trên thì ông T có trách nhiệm trả lại tài sản cầm cố là xe Ô Tô con, nhãn hiệu HUYNDAI; màu trắng; loại ELANTRA; số máy G4FGHU682938, số khung RLUDC41CBHN006270; Biển số 51F-484.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô Tô số 305019 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2017 và các giấy tờ liên quan. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu phía bị đơn thanh toán các chi phí để bảo quản tài sản cầm cố theo quy định tại Điều 315 và Điều 316 của Bộ luật dân sự.

[5]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn là ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 315, Điều 316, Điều 463, Điều 465, Khoản 4 Điều 466, Điều 467, Khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T.

Buộc ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tấn T tổng số tiền nợ vốn và lãi tính đến ngày 03/8/2020 là 325.583.333 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng), thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó: Tiền nợ vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi suất là 25.583.333 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B thanh toán hết số tiền nợ vốn và lãi nêu trên thì ông Nguyễn Tấn T có trách nhiệm trả lại tài sản cầm cố là xe Ô Tô con, nhãn hiệu HUYNDAI; màu trắng; loại ELANTRA; số máy G4FGHU682938, số khung RLUDC41CBHN006270; Biển số 51F-484.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô Tô số 305019 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2017 và các giấy tờ liên quan. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu phía bị đơn thanh toán các chi phí để bảo quản tài sản cầm cố.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Tấn Q, bà Bùi Thị Thanh B phải chịu số tiền án phí là 16.279.166 đồng (mười sáu triệu, hai trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm sáu mươi sáu đồng).

Ông Nguyễn Tấn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tấn T là 7.613.000 (bảy triệu, sáu trăm mười ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/ 0012850 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Tiến